

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NĂM 2021

(ĐÃ SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG)

HÀ NỘI – 7/2021



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2021 (ĐÃ SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG)

- Thực hiện Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thực hiện Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7/5/2020 được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*gọi tắt là Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT*);
- Căn cứ các công văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo : công văn số 2803/BGDĐT-HGDĐT ngày 07/7/2021 hướng dẫn về công tác tuyển sinh 2021 trong tình hình dịch bệnh Covid-19; công văn số 2939/BGDĐT-HGDĐT ngày 14/7/2021 về việc thi tuyển sinh môn năng khiếu trực tuyến trong tình hình dịch bệnh Covid 19;

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội công bố Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 có bổ sung phương án xét tuyển và thi tuyển sinh môn năng khiếu trực tuyến trong tình hình dịch bệnh Covid-19. Cụ thể như sau :

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG : (*tính đến thời điểm xây dựng Đề án*)

1. Tên trường, sứ mệnh của trường, địa chỉ trường :

- Tên trường : **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI**
- Mã trường : **TDH**
- Địa chỉ : **Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.**
- Số điện thoại : **(024)33.866.899 ĐD : 0904.090.885 , 0966.172.796**
- Website : **<http://www.hupes.edu.vn>**
- Facebook : **<https://www.facebook.com/SPTDTTHN>**

* **Sứ mạng** : Nhà trường có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo dục thể chất, thể dục thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giáo dục thể chất, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập.

* **Tầm nhìn** : Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội sẽ trở thành trường đa ngành, có uy tín về đào tạo giáo dục thể chất, thể dục thể thao; giáo dục quốc phòng và an ninh; chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

* **Giá trị cốt lõi** : **CHẤT LƯỢNG – MÔ PHẠM – SÁNG TẠO – PHÁT TRIỂN.**

* **Triết lý giáo dục** : **Cùng nhau kiến tạo cơ hội**

2. Quy mô đào tạo tính đến ngày 31/12/2020 : (người học)

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo			
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành ...	Tổng
I	Chính quy				
1	Sau đại học				
	Thạc sĩ				
	<i>Ngành Giáo dục học</i>	125			125
2	Đại học				
2.1	Chính quy				
	<i>Ngành Giáo dục thể chất</i>	964			964
2.2	Liên thông chính quy (từ cao đẳng lên đại học)				
	<i>Ngành Giáo dục thể chất</i>	314			314
II	Vừa làm vừa học				
1	Đại học				
1.1	Liên thông chính quy (từ trung cấp lên đại học)				
	<i>Ngành Giáo dục thể chất</i>	33			33
1.2	Liên thông VLVH (từ cao đẳng lên đại học)				
	<i>Ngành Giáo dục thể chất</i>	377			377

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất :

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất :

Ngành đào tạo giáo viên, hệ đại học : **Giáo dục thể chất**

Mã ngành đào tạo : **7140206**

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT, kết hợp thi Năng khiếu TDTT do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức.

Tổ hợp 1 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 2 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 3 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 4 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

- Điểm xét tuyển là Tổng điểm trung bình hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT, cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT (*tính hệ số 1*) và điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng (theo *Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT*).

* Tiêu chí xét tuyển :

+Tiêu chí 1 : Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương.

+Tiêu chí 2 : Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật. Chiều cao : nam từ 1,62m; nữ từ 1,52m trở lên.

+ **Tiêu chí 3** : Có tham dự thi Năng khiếu TDTT xét tuyển vào hệ đại học chính quy của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Đủ điều kiện xét tuyển theo quy định của Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

+ **Tiêu chí 4** : Tổng điểm trung bình của hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT của tổ hợp đăng ký xét tuyển phải đạt 13,0 điểm trở lên. Vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì chỉ cần tổng điểm trung bình của hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT của tổ hợp đăng ký xét tuyển phải đạt 10,0 điểm trở lên.

*** Nội dung thi Năng khiếu TDTT :**

+ Kiểm tra thể hình : Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật; Chiều cao : nam từ 1,62m; nữ từ 1,52m trở lên. Nếu chiều cao thiếu 1,0 cm - 1,5 cm thì điểm thi Năng khiếu TDTT bị trừ 0,5-1,0; thiếu 2,0 cm trở lên thì bị loại (VĐV đạt Huy chương do Hội đồng Tuyển sinh quyết định).

+ Bật xa tại chỗ (thành tích tính bằng centimet), chấm theo thang điểm 10.

+ Chạy 100m/ Chạy nhanh khéo (thành tích tính bằng giây), chấm theo thang điểm 10.

* **Điểm xét tuyển** : ĐXT = M1 + M2 + M3 + ĐUT. Trong đó : M1, M2 là điểm trung bình hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT của tổ hợp đăng ký xét tuyển. M3 là điểm thi Năng khiếu TDTT (hệ số 1). ĐUT = Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực

- Ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Điểm xét tuyển được làm tròn đến một chữ số thập phân.

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất : (theo Đề án tuyển sinh riêng)

Khối ngành/ Ngành/Nhóm ngành/ Tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
	Chỉ tiêu	Số thí sinh nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số thí sinh nhập học	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành I : Đào tạo Giáo viên Ngành : Giáo dục Thể chất Mã ngành đào tạo : 7140206 <i>Tổ hợp xét tuyển :</i> - Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT - Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu TDTT - Toán, Giáo dục công dân, Năng khiếu TDTT - Ngữ văn, Giáo dục công dân, Năng khiếu TDTT <i>Trong đó :</i> Tổng điểm trung bình của 2 môn học cả năm lớp 12 đạt từ 13,0 trở lên (VĐV có Huy chương đạt từ 10,0 trở lên). Điểm thi Năng khiếu TDTT tính hệ số 1.	330	361	(KV1, UT 1) 16,5	800	382	(KV1, UT 1) 15,5
Tổng cộng :	330	361	-	800	382	-

II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG :

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu :

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá :

- Tổng diện tích đất của trường : **14,3 ha** (cụ thể : 143.477 m²)
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên : **3.360 chỗ**
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên sinh viên chính quy :

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	485
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	04	728
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	04	544
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	11	1.252
1.5	Số phòng học đa phương tiện	02	280
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu.	05	1.895
2.	Thư viện, trung tâm học liệu.	02	1.300
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập.	26	26.440
	Tổng :		32.924

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, Nhà tập, Nhà thi đấu đa năng, Sân tập, Bể bơi và các trang thiết bị :

Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo : **ngành Giáo dục Thể chất.**

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính / Tiêu chuẩn
1	Phòng thực hành Tin học	01 máy chiếu, 40 máy tính
2	Phòng thực hành Tin học	01 máy chiếu, 35 máy tính
3	Phòng thực hành Ngoại ngữ 1	Phòng LAB : 01 Máy chiếu + 50 máy cá nhân
4	Phòng thực hành Ngoại ngữ 2	Phòng LAB : 01 Máy chiếu + 50 máy cá nhân
5	Phòng thực hành Y học	Thiết bị đo, xác định khả năng chức phận của hệ tuần hoàn, hô hấp, thần kinh cơ và phục hồi chức năng. Máy điện tim ECG 1503; Đo mạch tự động; 05 Máy đo tâm hoạt động khớp; Máy phân tích chức năng hô hấp; Máy siêu âm ALOKA (SSD1000); Thiết bị đo phản xạ toàn thân 1264B; 02 thiết bị nghiên cứu thể lực khi vận động; 02 t/bị phục hồi chấn thương bằng xoa bóp điện từ;

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính / Tiêu chuẩn
6	Phòng học Giải phẫu	Các bộ xương người thật, các mô hình bộ phận nội tạng cơ thể người. Bộ dụng cụ đo độ dày da; Bộ thước nhân trắc; Bộ lực kế lưng; Bộ lực kế tay; 02 Mô hình giải phẫu 21 phần Torso; 02 bộ Cân, đo chiều cao điện tử;
7	Phòng thực hành Sinh hóa, Sinh lý TĐTT.	Các thiết bị Sinh hóa, Sinh lý TĐTT. Máy sinh hoá bán tự động Humalyzer 2000; Máy trị liệu điện xung và điện phân thuốc ES- 521; Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số MEK-6420K; Máy xét nghiệm sinh hoá nước tiểu tự động 11 thông số Combil; Máy XQ chụp tổng hợp cao tần EZY - RAD;
8	Nhà tập, thi đấu đa năng	06 Máy chạy bộ 4 chức năng 585L/4; 06 Máy chạy bộ đơn 585L/12; 01 Dàn tạ 11 công năng; 04 Dàn tạ 300G/120GD; 05 Máy chạy đa năng 8630/12; 05 Máy chạy đa năng 868HA; 02 Xe đạp Thể lực; 02 Xe đạp tổng hợp 2010A/2; 01 Máy tập bụng 210; 01 Máy tập căng chân 620S; 01 Máy tập chạy có màn hình 932i; 01 Máy tập đùi 602B; 03 Máy tập lưng 712; 03 Máy tập tạ 608; 02 Máy tập vai và tay FT555; 01 Xe đạp có màn hình 842i; Thảm tập đa năng Mỹ. Bộ cột sân Bóng rổ (tiêu chuẩn thi đấu).
9	Nhà đa năng	Bàn bóng bàn, 06 bộ Thảm tập cầu lông
10	Sân điền kinh	Đường chạy phủ nhựa tổng hợp.
11	Sân bóng đá	Tiêu chuẩn Quốc gia (70 x110m), phủ cỏ nhân tạo Mỹ
12	Sân bóng chuyền 1	Tiêu chuẩn Quốc gia
13	Sân bóng chuyền 2	Tiêu chuẩn Quốc gia
14	Sân bóng chuyền 3	Tiêu chuẩn Quốc gia
15	Sân bóng chuyền 4	Tiêu chuẩn Quốc gia
16	Sân bóng chuyền 5	Tiêu chuẩn Quốc gia
17	Sân bóng rổ 1	Tiêu chuẩn luyện tập và thi đấu
18	Sân bóng rổ 2	Tiêu chuẩn luyện tập và thi đấu
19	Sân bóng rổ 3	Tiêu chuẩn Quốc gia
20	Sân bóng ném	Tiêu chuẩn luyện tập và thi đấu
21	Sân quần vợt 1	Tiêu chuẩn luyện tập và thi đấu
22	Sân quần vợt 2	Tiêu chuẩn luyện tập và thi đấu
23	Bể bơi	Tiêu chuẩn Quốc gia (10 làn bơi cự ly 50 m)

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo,...., sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện :

Thư viện có hệ thống máy tính nối mạng Intranet để tra cứu tài liệu. Thư viện hiện có trên 48.391 cuốn giáo trình, sách tham khảo phục vụ đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất, thể hiện một phần ở Bảng dưới đây.

*(Phục vụ cho ngành : **Giáo dục thể chất**)*

STT	Danh mục học liệu	Số lượng (bản)
	* CÁC MÔN LÝ LUẬN ĐẠI CƯƠNG :	
1	Giáo trình Tin học đại cương	285
2	Giáo trình Tâm lý học đại cương	506
3	Giáo trình Tiếng Anh đại cương	248
4	Giáo trình Nguyên lý cơ bản của Mác Lênin	540
5	Giáo trình Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam	372
6	Giáo trình Logic	455
7	Giáo trình Giáo dục học đại cương T1, T2	560
8	Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi & sư phạm	530
9	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	458
10	Giáo trình Tiếng Việt thực hành	851
11	Giáo trình Cơ sở Văn hóa Việt Nam	365
12	Giáo trình Giao tiếp sư phạm	297
13	Giáo trình Âm nhạc	661
	* CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH :	
14	Giáo trình Tâm lý học TĐTT	1957
15	Giáo trình Sinh lý học TĐTT	590
16	Giáo trình Thể dục đồng diễn	624
17	Giáo trình Sinh hóa TĐTT	1065
18	Giáo trình Đo lường TĐTT	1719
19	Giáo trình Nghiên cứu khoa học TĐTT	387
20	Giáo trình Lịch sử phong trào Olympic	476
21	Giáo trình Y học TĐTT	400
22	Giáo trình Quản lý học TĐTT	2339
23	Giáo trình Lý luận và Phương pháp TĐTT	385
24	Giáo trình Lý luận và Phương pháp GDTC trong trường học	384
25	Giáo trình Toán thống kê TĐTT	1562

STT	Danh mục học liệu	Số lượng (bản)
26	Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành	1209
27	Giáo trình Aerobic	1298
28	Giáo trình Vệ sinh	559
29	Giáo trình Trò chơi	1436
30	Giáo trình Giải phẫu học TĐTT	970
	* CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH :	
31	Giáo trình Điền kinh	1995
32	Giáo trình Bóng đá	1197
33	Giáo trình Bóng rổ	941
34	Giáo trình Bơi lội	513
35	Giáo trình Bóng ném	1100
36	Giáo trình Bóng chuyền	681
37	Giáo trình Taekwondo	792
38	Giáo trình Cờ vua	1556
39	Giáo trình Cầu lông	1113
40	Giáo trình Bóng bàn	1644
41	Giáo trình Quần vợt	1713
42	Giáo trình Thể dục	1855
43	Giáo trình Đá cầu	1808
	* TÀI LIỆU THAM KHẢO :	
44	Lý luận TĐTT thành tích cao	100
45	Bóng rổ - Kỹ thuật và phương pháp tập luyện	15
46	Huấn luyện thể lực VĐV cầu lông	12
47	Chính sách phát triển thể lực thể thao ở cơ sở	14
48	Những bài tập hoàn thiện kỹ thuật bơi	15
49	Bóng chuyền trong trường học phổ thông	15
50	Cờ vua cho mọi người	11
51	Kỹ thuật và phương pháp thể lực bóng đá	11
52	Tập đánh bóng bàn	12
53	Phương pháp thực hành trọng tài bóng ném	15
54	Tuyển chọn VĐV và quản lý huấn luyện thể thao	15
55	Bóng rổ trong trường học phổ thông	15

STT	Danh mục học liệu	Số lượng (bản)
56	Phòng chữa một số bệnh thường gặp bằng tập luyện TDTT và chế độ ăn uống	15
57	Thuật ngữ TDTT dùng trong các văn bản nhà nước	15
58	Văn hóa học TDTT	50
59	Luật thi đấu cờ vua	481
60	Luật thi đấu cầu lông	385
61	Luật thi đấu bơi lội	379
62	Luật thi đấu bóng rổ	393
63	Luật thi đấu đá cầu	391
64	Luật thi đấu quần vợt	517
65	Luật thi đấu bóng ném	500
66	Luật thi đấu bóng đá 5 người	80
67	Luật thi đấu bóng đá 7 người	207
68	Luật thi đấu bóng đá 11 người	350
69	Luật thi đấu điền kinh	760
70	Luật Taekwondo	480
71	Luật thi đấu bóng chuyền và bóng chuyền bãi biển	278
72	Luật thi đấu bóng bàn	364
	* TẠP CHÍ :	
73	Tạp chí Thể dục thể thao	1600
74	Tạp chí Khoa học Thể dục thể thao	500
	Tổng cộng :	48.391

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học :

(Nhóm ngành Đào tạo giáo viên. Tên ngành : **Giáo dục thể chất**, Mã ngành : **7140206**)

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
1	Bùi Quang Hải	Nam	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục học – Giáo dục thể chất
2	Lê Đức Chương	Nam	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục học – Y học thể thao
3	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế
4	Nguyễn Duy Quyết	Nam		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục – Giáo dục thể chất
5	Phùng Xuân Dũng	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục học – Giáo dục thể chất
6	Hương Xuân Nguyên	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
7	Đỗ Mạnh Hưng	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
8	Đỗ Anh Tuấn	Nam		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao
9	Mai Tú Nam	Nam		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao
10	Nguyễn Mạnh Toàn	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
11	Phạm Anh Tuấn	Nam		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao
12	Nguyễn Khắc Dược	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất
13	Nguyễn Thu Nga	Nữ		Tiến sĩ	Giáo dục học
14	Nguyễn Tiến Lợi	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
15	Phạm Thị Hương	Nữ		Tiến sĩ	Giáo dục học – Giáo dục thể chất
16	Phùng Mạnh Cường	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
17	Trần Văn Cường	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
18	Tô Tiến Thành	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
19	Trần Mai Linh	Nữ		Tiến sĩ	Triết học
20	Trần Ngọc Minh	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục học – Giáo dục thể chất
21	Vũ Quốc Huy	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
22	Nguyễn Thành Hưng	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
23	Đặng Đình Dũng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
24	Đặng Hùng Linh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
25	Đặng Thị Kim Ngân	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
26	Đặng Thu Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
27	Đào Thị Ngân Huyền	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
28	Đào Xuân Anh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
29	Đình Thị Uyên	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý Thể dục thể thao
30	Đoàn Thanh Nam	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
31	Hà Thị Kim Oanh	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học
32	Hồ Thị Thu Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
33	Hoàng Minh Thủy	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học
34	Lã Huy Hoàng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
35	Lại Triệu Minh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
36	Lê Chí Nhân	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
37	Lê Duy Linh	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và PP dạy học Âm nhạc
38	Lê Học Liêm	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
39	Lê Mạnh Cường	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
40	Lê Mạnh Linh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
41	Lê Thị Thanh Hường	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị
42	Lê Thị Thu Hương	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
43	Lê Thị Thu Thúy	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
44	Lê Thị Vân Liêm	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
45	Mai Thị Bích Ngọc	Nữ		Thạc sĩ	Triết học
46	Mai Thị Ngoãn	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
47	Mai Thị Thanh Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
48	Ngô Bằng Giang	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
49	Ngô Thanh Huyền	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học
50	Ngô Thị Thu	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
51	Ngô Xuân Đức	Nam		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục
52	Nguyễn Anh Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và PP dạy học Âm nhạc
53	Nguyễn Doãn Vũ	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
54	Nguyễn Hoàng Việt	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
55	Nguyễn Hoàng Yến	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
56	Nguyễn Hồng Minh	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học Giáo dục
57	Nguyễn Hồng Phượng	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
58	Nguyễn Kim Mạnh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
59	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
60	Nguyễn Thành Chung	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
61	Nguyễn Thị Diệu Khánh	Nữ		Thạc sĩ	Triết học
62	Nguyễn Thị Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
63	Nguyễn Thị Hoài Mỹ	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh
64	Nguyễn Thị Liên	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
65	Nguyễn Thị Mai Thoan	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
66	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
67	Nguyễn Thị Thoa	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học
68	Nguyễn Thị Thu	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
69	Nguyễn Thị Thu Minh	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh
70	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
71	Nguyễn Tùng Lâm	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
72	Nguyễn Văn Hạnh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
73	Nguyễn Văn Hoàng	Nam		Thạc sĩ	Quản lý Giáo dục
74	Nguyễn Văn Thuật	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
75	Nguyễn Việt Hồng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
76	Nguyễn Xuân Thành	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
77	Phạm Duy Hải	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
78	Phạm Mai Vương	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
79	Phạm Minh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
80	Phạm Ngọc Tú	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
81	Phạm Phi Điệp	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
82	Phạm Quốc Toàn	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
83	Phạm Thị Hoa	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
84	Phạm Thị Thanh Hoa	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
85	Phạm Văn Quý	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
86	Phan Chí Quyết	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
87	Phan Văn Huỳnh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
88	Quách Thị Ngọc Hà	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học môi trường

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
89	Thái Quỳnh Anh	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
90	Trần Chí Công	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
91	Trần Đình Phòng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
92	Trần Đình Tường	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
93	Trần Dũng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
94	Trần Hải Thanh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
95	Trần Thị Nhu	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
96	Trương Công Đức	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
97	Vũ Công Lâm	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
98	Vũ Thị Thu Hà	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
99	Vũ Văn Thịnh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
100	Lại Thế Hòa	Nam		Đại học	Toán Tin

Tổng số giảng viên cơ hữu : **100** (trong đó **03** PGS Tiến sĩ, **19** Tiến sĩ, **77** Thạc sĩ, **01** Đại học)

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ đại học :*(Nhóm ngành Đào tạo giáo viên. Tên ngành : **Giáo dục thể chất**, Mã ngành : **7140206**)*

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
1	Lê Thanh (*)	Nam		Tiến sĩ	Toán học
2	Bùi Danh Tuyên	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
3	Lê Ngọc Khánh	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
4	Cao Hoài Anh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
5	Chu Thanh Hải	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
6	Đặng Hải Linh	Nam		Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao
7	Đặng Phương Lan	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
8	Đỗ Thị Tố Uyên	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
9	Đoàn Hà Trung	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
10	Hoàng Thu Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
11	Lại Thế Việt	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
12	Lê Chí Hường	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
13	Lê Dung	Nữ		Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất & thống kê toán học
14	Lê Ngọc Vinh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
15	Lê Nguyên Hoàn	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
16	Lê Thị Thùy Chi	Nữ		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học
17	Ngô Thế Phương	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
18	Nguyễn Kim Tùng	Nam		Thạc sĩ	Toán Cơ Tin
19	Nguyễn Mạnh Đạt	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
20	Nguyễn Phương Linh	Nữ		Thạc sĩ	Y học Thể dục thể thao

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
21	Nguyễn Thị Thúc	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
22	Nguyễn Thu Trang	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
23	Nguyễn Tô Quyên	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
24	Nguyễn Văn Đại	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
25	Nguyễn Văn Duyệt	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
26	Nguyễn Văn Tuyên	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
27	Nguyễn Việt Sáng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
28	Phạm Ngọc Quân	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
29	Phan Ngọc Linh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
30	Phan Thị Phương	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh
31	Trần Hữu Trung	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
32	Trần Thị Diệu Linh	Nữ		Thạc sĩ	Triết học
33	Vũ Thanh Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học
34	Vũ Thị Trang	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC
35	Hoàng Lê Minh	Nam		Đại học	Y học Thể dục thể thao
36	Nguyễn Trung Hiếu	Nam		Đại học	Giáo dục học - GDTC

Tổng cộng : **36** giảng viên (trong đó có : **3** Tiến sĩ, **31** Thạc sĩ, **2** Đại học). Tất cả các giảng viên đều hợp đồng không xác định thời hạn.

Ghi chú : Giảng viên có dấu (*) ở cột Họ và tên là giảng viên cơ hữu của trường, nhưng có quyết định nghỉ hưu từ 01/8/2021 và được nhà trường ký hợp đồng giảng dạy không xác định thời hạn.

III. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2021 :

1. TUYỂN SINH CHÍNH QUY, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC :

(Không bao gồm Liên thông chính quy từ trung cấp, cao đẳng lên đại học)

1.1. **Đối tượng tuyển sinh** : Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương (giáo dục thường xuyên). Thí sinh đủ sức khoẻ. Chiều cao nam từ 1,60 m, nữ từ 1,50 m trở lên (không tuyển thí sinh có chiều cao dưới mức quy định).

1.2. **Phạm vi tuyển sinh** : **Tuyển sinh trên Toàn quốc.**

1.3. **Phương thức tuyển sinh** :

* **Phương thức 1** : Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 và thi Năng khiếu TDTT. Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển :

Tổ hợp 1 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 2 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 3 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 4 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

* **Phương thức 2**: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi Năng khiếu TDTT. Xét tuyển theo tổng điểm của hai môn thi tốt nghiệp THPT cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển :

Mã tổ hợp T00 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Mã tổ hợp T03 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Mã tổ hợp T05 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

Mã tổ hợp T08 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

1.4. **Chỉ tiêu tuyển sinh** :

a) *Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo :*

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyên đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyên đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7140206	Giáo dục thể chất	3501/QĐ-BGD&ĐT-ĐH	01/7/2003	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2003	2020

b) *Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành đào tạo, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo :*

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (<i>dự kiến</i>) ^(*)	
				Xét theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TĐTT. 4 tổ hợp xét tuyển	Xét theo KQ thi tốt nghiệp THPT + điểm thi Năng khiếu TĐTT tại trường. 4 Tổ hợp môn xét tuyển : T00, T03, T05, T08
1	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	600	200

(*) Chỉ tiêu phân đều cho các tổ hợp ở từng phương thức tuyển sinh. Trường hợp tổ hợp hoặc phương thức tuyển sinh nào xét tuyển có ít thí sinh đăng ký dự tuyển thì chỉ tiêu sẽ sử dụng cho tổ hợp xét tuyển khác có nhiều thí sinh đăng ký dự tuyển.

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển :

* **Phương thức 1 : Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 và thi Năng khiếu TĐTT.**

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TĐTT do Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tổ chức.

Yêu cầu : Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 2 môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt 13,0 trở lên và phải đạt : *hoặc* Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên *hoặc* Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

Các trường hợp sau chỉ yêu cầu Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của hai môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt 10,0 trở lên và Học lực lớp 12 xếp loại từ Trung bình trở lên. Cụ thể :

- + Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, giải vô địch quốc gia, quốc tế;
- + Thí sinh có điểm thi năng khiếu TĐTT do Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội tổ chức đạt loại xuất sắc 9,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

* **Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi Năng khiếu TĐTT.**

Xét tuyển theo tổng điểm của hai môn thi tốt nghiệp THPT cộng với điểm thi Năng khiếu TĐTT do Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tổ chức.

Yêu cầu : Tổng điểm của 2 môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm thi Năng khiếu TĐTT do trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tổ chức phải đạt điểm sàn theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu về Học lực lớp 12 *hoặc* Điểm xét tốt nghiệp THPT như ở Phương thức 1.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường :

- Tên trường : Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.
- Mã số trường : TDH
- Tên ngành : Giáo dục thể chất Mã số ngành : 7140206
- **Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển trực tuyến :**
 - + trên Fanpage : <https://www.facebook.com/SPTDTHN>
 - + trên Website : <http://www.hupes.edu.vn>
- Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu trên Website).

*** Phương thức 1 : Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 và thi Năng khiếu TDTT.**
Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển :

Tổ hợp 1 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 2 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 3 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 4 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

*** Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi Năng khiếu TDTT.**
Xét tuyển theo tổng điểm của hai môn thi tốt nghiệp THPT cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển :

Mã tổ hợp T00 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Mã tổ hợp T03 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Mã tổ hợp T05 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

Mã tổ hợp T08 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

*** Ghi chú :** Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp trong cả 2 phương thức xét tuyển.

*** Nội dung thi Năng khiếu TDTT khi không còn dịch bệnh :**

+ Kiểm tra thể hình : Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật. Chiều cao nam từ 1,60m, nữ từ 1,50m trở lên (không tuyển thí sinh có chiều cao dưới mức quy định).

+ Bật xa tại chỗ (thành tích tính bằng centimet), chấm theo thang điểm 10.

+ Chạy 60m (thành tích tính bằng giây), chấm theo thang điểm 10.

*** Nội dung thi trực tuyến Năng khiếu TDTT trong tình hình dịch bệnh :**

- **Nội dung 1 : Kiểm tra thể hình :** Chiều cao, cân nặng và các dị tật (nếu có).

Thí sinh tự khai và cam kết chiều cao, cân nặng và các dị tật (nếu có). Nhà trường đánh giá trực tuyến về thể hình, giọng nói theo các yêu cầu đào tạo giáo viên giáo dục thể chất.

- Nội dung 2 : **Nhảy dây 1 phút** (tính số lần); Thí sinh thực hiện 1 lần.
- Nội dung 3 : **Nằm ngửa gập bụng 1 phút** (tính số lần); Thí sinh thực hiện 1 lần.
- * **Thí sinh dự thi các môn năng khiếu sẽ bổ sung thêm phương án thi trực tuyến** theo hướng dẫn của Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội. Đồng thời thí sinh có cam kết tính trung thực trong thực hiện và kê khai, thí sinh sẽ bị hủy kết quả nếu phát hiện sự gian lận.
- * **Hội đồng tuyển sinh Nhà trường tổ chức chấm thi trực tuyến qua phần mềm Zoom** và sẽ tổ chức hậu kiểm về thể hình của thí sinh.
- * **Điểm xét tuyển** : ĐXT = M1 + M2 + M3 + ĐƯT
M1, M2 = Điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 hoặc điểm của hai môn thi tốt nghiệp THPT trong từng tổ hợp.
M3 = Điểm môn Năng khiếu TĐTT (tổng điểm 2 nội dung thi năng khiếu)
ĐƯT = Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực
- Ưu tiên gồm : ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Điểm xét tuyển được tính đến hai chữ số thập phân.

1.7. Tổ chức tuyển sinh :

1.7.1. Thời gian thi :

Thi Năng khiếu TĐTT tại Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội, theo các đợt :

Đợt 1 : các ngày **09 - 10/8/2021**

- Ngày **09/8/2021**: Phổ biến quy chế thi, làm thủ tục thi và hướng dẫn thi trực tuyến cho thí sinh dự thi qua phần mềm Zoom.
- Ngày **10/8/2021**: Thi các môn năng khiếu. (dự phòng ngày **11/8/2021**).

Đợt 2 : các ngày **16 - 18/09/2021**

Đợt 3 : các ngày **16 - 18/10/2021**

- Ngày đầu mỗi đợt : Phổ biến quy chế thi, làm thủ tục thi và hướng dẫn thi trực tuyến (*nếu dịch bệnh*) cho thí sinh dự thi.
- Ngày thứ 2 mỗi đợt : Thi các môn năng khiếu. (ngày thứ 3 dự phòng).
- Hội đồng Tuyển sinh nhà trường họp xét tuyển ngay sau khi kết thúc đợt tuyển sinh và công bố kết quả xét tuyển vào thời gian sớm nhất.

* **Đợt thi bổ sung (nếu có) nhà trường sẽ thông báo trên website của trường.**

1.7.2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển :

a) Hình thức nhận đăng ký xét tuyển :

- Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển trực tuyến :
 - + trên Fanpage : <https://www.facebook.com/SPTDTHN>
 - + trên Website : <http://www.hupes.edu.vn>
- Thí sinh gửi Hồ sơ đăng ký xét tuyển qua Bưu điện về địa chỉ : Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển :

- Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu trên Website).
- Bản sao công chứng Học bạ THPT (hoặc tương đương).
- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) với thí sinh tốt nghiệp trước 2021. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp 2021 (hoặc bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT, nếu đã có).
- Tính đến ngày dự thi Năng khiếu TDTT, thí sinh phải nộp 4 ảnh chân dung cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ); 02 phong bì dán tem, ghi địa chỉ, số điện thoại người nhận.
- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).

c) Lệ phí xét tuyển, thi Năng khiếu :

- Hình thức nộp : **Chuyển khoản.**
- Lệ phí xét tuyển, thi năng khiếu TDTT : **330.000đ**
- Số tài khoản : **45010006656669**
- Tên ngân hàng : Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Tây (BIDV).
- Tên người nhận : Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.
- Cú pháp nội dung nộp lệ phí : Họ và tên - số chứng minh nhân dân (hoặc căn cước công dân) – LPTS 2021.

1.7.3. Các điều kiện xét tuyển :

Thí sinh phải có đủ các điều kiện sau để được xét trúng tuyển :

- Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương (hình thức giáo dục thường xuyên).
- Thí sinh có đủ sức khỏe. Chiều cao nam từ 1,60 m, nữ từ 1,50 m trở lên.
- Thí sinh có tham dự thi Năng khiếu TDTT vào hệ đại học chính quy của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

*** Yêu cầu đối với thí sinh đăng ký xét theo Học bạ lớp 12 :** (Phương thức 1)

Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 2 môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt 13,0 trở lên và phải đạt : *hoặc* Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên *hoặc* Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

Các trường hợp sau yêu cầu Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của hai môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt 10,0 trở lên và Học lực lớp 12 xếp loại từ Trung bình trở lên. Cụ thể :

- + Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, giải vô địch quốc gia, quốc tế;
- + Thí sinh có điểm thi năng khiếu TDTT do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức đạt 9,0 điểm trở lên.

*** Yêu cầu đối với thí sinh đăng ký xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT :**

(Phương thức 2)

Tổng điểm của 2 môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do trường ĐHSPTDTT Hà Nội tổ chức phải đạt điểm sàn theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu về Học lực lớp 12 *hoặc* Điểm xét tốt nghiệp THPT như ở Phương thức 1.

8. Chính sách ưu tiên :

1.8.1. Xét tuyển thẳng :

*** Đối tượng được tuyển thẳng :** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á.

*** Hồ sơ đăng ký tuyển thẳng :**

+ Phiếu đăng ký tuyển thẳng (theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ Giấy chứng nhận huy chương hoặc Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thi đấu. Thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày xét tuyển vào trường.

+ Công văn của cơ quan quản lý vận động viên giới thiệu VĐV đi học; hoặc đơn xin đi học của vận động viên (được cơ quan quản lý cho phép).

+ Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2021. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2021 (nộp bổ sung trước khi nhập học).

+ Bản sao công chứng Giấy khai sinh.

+ Hai ảnh chân dung cỡ 4x6 (mới chụp trong 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ) và hai phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có, để xét học bổng trong quá trình học).

+ Lệ phí đăng ký hồ sơ và xét tuyển: 30.000 đ.

1.8.2. Ưu tiên xét tuyển :

*** Đối tượng được ưu tiên xét tuyển :**

Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào trường. Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia đã tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào trường. Cụ thể :

+ Thí sinh đoạt Huy chương Vàng các giải quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng được hưởng 10 điểm Năng khiếu TDTT (Đối tượng A).

+ Thí sinh đoạt Huy chương Bạc, Huy chương Đồng các giải quốc gia tổ chức một lần trong năm được hưởng 9 điểm Năng khiếu TDTT (Đối tượng B).

*** Hồ sơ ưu tiên xét tuyển :**

+ Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ Quyết định công nhận đẳng cấp Kiện tướng quốc gia hoặc Giấy chứng nhận Huy chương Vàng tại các giải quốc gia (Đối tượng A). Giấy chứng nhận Huy chương

Bạc, Huy chương Đồng tại các giải quốc gia (Đối tượng B). Thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày xét tuyển vào trường.

+ Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2021. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp 2021.

+ Bản sao công chứng Học bạ THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2021 (nếu tốt nghiệp 2021).

+ Bản sao công chứng Giấy khai sinh.

+ Hai ảnh chân dung cỡ 4x6 (mới chụp trong 6 tháng) và hai phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.

+ Phiếu đăng ký tham dự kỳ thi THPT Quốc gia (nếu tham dự kỳ thi).

+ Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia (nếu tham dự kỳ thi).

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).

+ Lệ phí đăng ký hồ sơ xét tuyển : 30.000 đ.

* Các giấy tờ thiếu có thể nộp bổ sung trước ngày nhập học.

1.8.3. Điều khoản bổ sung :

+ Thí sinh diện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển phải cam kết không bị khuyết tật và đảm bảo chiều cao theo quy định. Thí sinh Đối tượng B nêu trên có thể đăng ký thi tuyển năng khiếu TDTT để có điểm cao hơn.

+ Thí sinh hưởng chế độ xét tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên của nhà trường. Nếu nộp qua đường bưu điện cần thông báo cho cán bộ tư vấn tuyển sinh của trường qua số điện thoại (024)33.866.899.

1.9. Lệ phí xét tuyển / thi tuyển : 330.000 đ.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy :

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành) :

➤ Nhà trường có đủ chỗ ở trong Ký túc xá sau khi thí sinh đỗ vào trường.

➤ Vị trí sau khi sinh viên tốt nghiệp :

+ Giảng dạy tại trường phổ thông các cấp, các trường cao đẳng, đại học, trung cấp chuyên nghiệp, các cơ sở giáo dục đào tạo.

+ Làm việc tại các Sở Văn hóa-Thể thao, các Trung tâm TDTT, các Câu lạc bộ TDTT (như Yoga, GYM, Boxing, Thể hình, Võ thuật,...), các Trung tâm Phục hồi chức năng và Chăm sóc sức khỏe, các Công ty Tổ chức sự kiện...

+ Được phép dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ Giáo dục học của nhà trường ngay sau khi tốt nghiệp hệ đại học.

1.12. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất) :** Tình hình việc làm năm 2019 :*

Ngành	Chi tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Giáo dục thể chất	460	0	242	0	187	0	179	0
Tổng	460	0	242	0	187	0	179	0

** Tình hình việc làm năm 2020 :*

Ngành	Chi tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Giáo dục thể chất	392	0	267	0	174	0	136	0
Tổng	392	0	267	0	174	0	136	0

1.13. Tài chính :

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường : **37.083.370.355 đ**
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm : **25.145.000 đ**
(của năm liền trước năm tuyển sinh)

2. TUYỂN SINH LIÊN THÔNG CHÍNH QUY, VỪA LÀM VỪA HỌC TỪ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC.

2.1. Đối tượng tuyển sinh :

Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần : Sư phạm Giáo dục thể chất, ghép môn Thể dục – Đoàn Đội, Thể dục – Sinh, Thể dục – Giáo dục công dân, Thể dục thể thao.... Nếu tốt nghiệp trung cấp thì phải có bằng tốt nghiệp THPT.

2.2. Phạm vi tuyển sinh : Tuyển sinh trên Toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh : **Thi tuyển.**

* **Tổ hợp thi tuyển khi không còn dịch bệnh Covid-19 :**

- + Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất;
- + Sinh lý Thể thao;
- + Năng khiếu TDDT: Bật xa tại chỗ, Chạy 60m hoặc Chạy nhanh khéo.

Nội dung thi Năng khiếu TDDT : Bật xa tại chỗ (tính bằng cm); Chạy 60m hoặc Chạy nhanh khéo (tính bằng giây).

* **Tổ hợp thi tuyển trong tình hình dịch bệnh Covid-19 :**

- + Xét tuyển theo kết quả trung bình chung học tập toàn khóa của hệ Cao đẳng (hoặc Trung cấp).
- + Thi năng khiếu TDDT :
 - . **Nhảy dây 1 phút** (tính số lần); Thí sinh thực hiện 1 lần.
 - . **Nằm ngửa gập bụng 1 phút** (tính số lần); Thí sinh thực hiện 1 lần.

* Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (*):

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu ĐHLT chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu ĐHLT VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo Liên thông CĐ lên ĐH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	7140206	Giáo dục thể chất	200	300	1196/QĐ-BGDĐT	09/3/2007	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2007

(*) Được điều chỉnh căn cứ vào nhu cầu chuẩn hóa đội ngũ giảng viên Giáo dục thể chất của các địa phương (theo công văn của UBND Tỉnh, Thành phố), căn cứ vào chỉ tiêu được Bộ GD&ĐT giao cho bổ sung.

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT :

Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần :

Sư phạm Giáo dục thể chất, ghép môn Thể dục – Đoàn Đội, Thể dục – Sinh, Thể dục – Giáo dục công dân, Thể dục thể thao....Nếu tốt nghiệp trung cấp thì phải có bằng tốt nghiệp THPT.

Tất cả các thí sinh phải có đủ sức khỏe và phải đạt một trong các tiêu chí sau :

- + **Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng đạt loại Khá trở lên;**
- + **Tốt nghiệp THPT loại Khá;**
- + **Học lực lớp 12 đạt loại Khá;**
- + **Học lực lớp 12 đạt loại Trung bình và 5 năm kinh nghiệm giảng dạy môn Thể dục, huấn luyện TDTT;**
- + **Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên.**

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường :

- Tên trường : Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.
- Mã số trường : TDH
- Tên ngành : Giáo dục thể chất Mã số ngành : 7140206

* *Tổ hợp thi tuyển khi không còn dịch bệnh Covid-19 :*

- + Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất;
- + Sinh lý Thể thao;
- + Năng khiếu TDTT: Bật xa tại chỗ, Chạy 60m hoặc Chạy nhanh khéo.

Nội dung thi Năng khiếu TDTT : Bật xa tại chỗ (tính bằng cm); Chạy 60m hoặc Chạy nhanh khéo (tính bằng giây).

* *Tổ hợp thi tuyển trong tình hình dịch bệnh Covid-19 :*

- + Xét tuyển theo kết quả trung bình chung học tập toàn khóa của hệ Cao đẳng (hoặc Trung cấp).

+ Thi năng khiếu TDTT :

. **Nhảy dây 1 phút** (tính số lần); Thí sinh thực hiện 1 lần.

. **Nằm ngửa gập bụng 1 phút** (tính số lần); Thí sinh thực hiện 1 lần.

* Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

2.7. Tổ chức tuyển sinh :

2.7.1. Thời gian : (dự kiến tháng 8-11/2021)

- Nhà trường sẽ có thông báo ngày thi cụ thể từng đợt thi trực tiếp tới thí sinh.

2.7.2. Hồ sơ đăng ký thi tuyển :

Gửi qua Bưu điện tới Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên trước khi thi 5 ngày. Thí sinh có thể nộp hồ sơ qua các đơn vị liên kết đào tạo, cán bộ được nhà trường ủy quyền.

* Hồ sơ đăng ký thi tuyển :

- Đơn đăng ký thi tuyển
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương nơi cư trú.
- Bản sao công chứng Bảng điểm và Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, bằng tốt nghiệp THPT, học bạ THPT (hoặc tương đương).
- 04 ảnh chân dung cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ); 02 phong bì dán tem, ghi địa chỉ, số điện thoại người nhận.
- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).

2.8. Lệ phí thi tuyển : (dự kiến) **330.000 đ/thí sinh**

Chưa bao gồm lệ phí hướng dẫn ôn thi (nếu có).

2.9. Học phí dự kiến với sinh viên Đại học Liên thông Chính quy, Liên thông Vừa làm vừa học :

- + Thực hiện thu học phí : **3.600.000 đ/học kỳ x 4 học kỳ**
- + Lộ trình tăng học phí tối đa : **4.000.000 đ/học kỳ/SV x 4 học kỳ.**

3. THÔNG TIN HỖ TRỢ TRỰC TIẾP :

- + Địa chỉ website của trường : <http://www.hupes.edu.vn>
- + Facebook của trường : <https://www.facebook.com/SPTDTTHN>
- + **Cán bộ hỗ trợ trực tiếp để giải đáp thắc mắc :**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
1	<i>TS. Nguyễn Mạnh Toàn</i>	Trưởng phòng ¹	0914.821.979	nguyenmanhtoantdt@gmail.com
2	<i>TS. Trần Văn Cường</i>	P.Trưởng phòng ¹	0983.887.282	cuongbb@gmail.com
3	<i>ThS. Trần Thanh Bình</i>	P.Trưởng phòng ⁴	0328.919.498	binhlinh75@gmail.com
4	<i>CN. Nguyễn Hà Phương</i>	Cán bộ Phòng ¹	0966.172.796	nguyenhaphuong2796@gmail.com
5	<i>CN. Nguyễn Minh Tư</i>	P.Trưởng phòng ²	0961.421.970	mtu@moet.edu.vn
6	<i>ThS. Đặng Đình Dũng</i>	P.Trưởng phòng ³	0985.698.166	dangdung030686@gmail.com
7	<i>ThS. Lê Học Liêm</i>	Trưởng phòng ⁴	0934.388.388	leliemkdk@gmail.com

¹ : Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên : (024)33.719.423, (024)33.866.899

² : Phòng Tổ chức cán bộ & Truyền thông.

³ : Phòng Hành chính Tổng hợp

⁴ : Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo & Thanh tra.

4. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC (*Nhà trường có Thông báo riêng*) :

+ **Tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ**, ngành Giáo dục học, năm 2021 : **72 chỉ tiêu**

+ **Tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ**, ngành Giáo dục học, năm 2021 : **06 chỉ tiêu**

* Liên hệ trực tiếp với Khoa Đào tạo Sau đại học :

TS. Đỗ Mạnh Hưng (Trưởng khoa) : **0904.171.689**

ThS. Nguyễn Thị Hằng (Phó Trưởng khoa) : **0982.102.876**

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG *Ustme*

CÁN BỘ LẬP ĐỀ ÁN :

TS. Lê Thanh

DD : 0987.394.148

Email : lethanhtdhn@gmail.com

(nguyên Phó Hiệu trưởng)



TS. Nguyễn Duy Quyết